

Bản án số: 13/2024/HS-ST  
Ngày: 19-3-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Ngọc Đức

Ông Lê Ngọc Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/HSST-QĐ ngày 23/02/2024 đối với bị cáo:

**Trịnh Ngọc L**, sinh ngày 23/10/1973, tại thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Đ (chết) và bà Huỳnh Thị L1; có vợ Đỗ Thị Kim H và con có 02 người (sinh năm 1995 và sinh năm 2001); tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 23/10/2023, tạm giam ngày 26/10/2023, có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:**

1. Ông **Đặng Văn X**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Ông **Huỳnh Phú H1**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

**Người làm chứng:**

1. Ông **Phạm Văn L2**, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Tổ 08, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

2. Anh **Trần Văn N**, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Tổ 08, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

3. Ông **Nguyễn Thanh G**, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ 07, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

4. Anh **Lê Thành Q**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

5. Anh **Võ Văn B**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 02, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

6. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Ngọc L thường xuyên mua bán cây cảnh (cây phục vụ công trình) từ các nhà vườn rồi giao lại cho các vựa để hưởng tiền chênh lệch. Trong quá trình mua bán với các nhà vườn thì L phát sinh tranh chấp về tiền bạc dẫn đến mất uy tín với các chủ vườn nên không được các chủ nhà vườn bán cây cho L tiếp.

Vào cuối năm 2018, ông Đặng Văn X và ông Huỳnh Phú H1 (ở tỉnh Đồng Tháp) có hùn vốn rồi hỏi thuê 05 công đất vườn của bà Huỳnh Thị T tại tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để trồng cây bằng lăng (loại bằng lăng hoa kiếng phục vụ công trình) rồi thuê ông Nguyễn Văn V (ở cùng xóm với bà T) quản lý, chăm sóc vườn bằng lăng.

Đến tháng 4 năm 2023, vườn cây bằng lăng trồng đã được 04 năm tuổi, cây lớn có thể bán lại cho các mối lái nên ông X rao bán 5.000 cây bằng lăng, mỗi cây có bề hoành 52cm, chiều cao 4,7m. Đến ngày 24/4/2023 Trịnh Ngọc L biết ông X kêu bán cây bằng lăng nên L liên hệ với ông X để mua, ông X kêu ông Nguyễn Văn V dẫn Lành xuống vườn xem cây. Sau khi xem cây xong, L đi về và điện thoại cho ông X để thỏa thuận mua với số lượng 300 cây (với kích thước bề hoành khoảng 47cm, chiều cao khoảng 4,5m) với giá là 500.000 đồng/01 cây, ông X không đồng ý bán vì ông X muốn bán hết các cây trong vườn nên chỉ đồng ý bán lại cho L từ 500 cây trở lên, với giá 500.000 đồng/01 cây nên hai bên không thống nhất được việc mua bán với nhau.

Đến sáng ngày 27/4/2023, L điện thoại cho ông X nhưng không liên lạc được, rồi L điện thoại cho ông V hỏi “Bộ ông bán cây lẻ hay gì, xuống vườn coi người ta búng” ý của L là kêu ông V đến vườn bằng lăng nhưng ông V không đến. Từ đó, L lợi dụng lúc vườn cây bằng lăng của ông X và ông H1 không có người trông giữ nên L đã thuê nhiều nhân công đến để cùng L lén lút vào vườn tự ý đánh dấu cây, cắt tĩa các nhánh cây bằng lăng rồi búng đem các cây ra ngoài. Lành đã cho nhân công vào vườn búng lên được 36 cây bằng lăng. Đến sáng ngày 28/4/2023, L cùng các nhân công tiếp tục vào vườn búng thêm được 18 cây bằng lăng và vận chuyển 08 cây bằng

lãng ra khỏi vườn. Trong lúc L và các nhân công đang vận chuyển cây bằng lãng thì ông Phạm Văn L2 là bạn của ông H1 (nhà ở gần vườn cây bằng lãng của ông H1) nhìn thấy điện thoại báo cho ông H1 biết là có người vào vườn bứng trộm cây, ông H1 liền điện thoại cho ông V đến ngăn cản Lành bứng cây. Sau đó, ông H1 cùng với ông X đến Công an xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long trình báo sự việc, Công an xã T, huyện B lập biên bản tiếp nhận nguồn tin và báo về Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Long đến giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐGTS, ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện B thì 54 cây bằng lãng có trị giá là 10.800.000 đồng.

Qua điều tra, Trịnh Ngọc L đã thừa nhận lợi dụng lúc ông X và ông H1 không có ở vườn cây bằng lãng, L đã thuê nhiều nhân công cùng vào vườn lén lút bứng trộm 54 cây bằng lãng để đem đi bán thì bị phát hiện.

Xét thấy, Trịnh Ngọc L đã có hành vi lén lút thuê người bứng 54 cây bằng lãng khi chưa có sự thống nhất việc mua bán và không có chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản ở tại vườn bằng lãng là đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên ngày 27/6/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt tạm giam đối với Trịnh Ngọc L nhưng do L bỏ trốn nên Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã. Đến ngày 23/10/2023 bắt được L, Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm giữ, đến ngày 26/10/2023 ra Lệnh tạm giam để điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Đối với 54 cây bằng lãng đã được Cơ quan điều tra thu hồi về định giá và đã trả lại cho ông Đặng Văn X. Sau khi nhận lại tài sản thì ông X và ông H1 không yêu cầu gì thêm.

Đối với những người nhân công được Trịnh Ngọc L thuê bứng cây bằng lãng, thì những người nhân công không biết được các cây này là của người khác, không biết L thuê đi bứng trộm cây, nên không có căn cứ để xử lý cùng hành vi với L.

Tại cáo trạng số: 08/CT-VKSBT ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Trịnh Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trịnh Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc L từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Trịnh Ngọc L có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị hại ông Đặng Văn X và ông Huỳnh Phú H1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 54 cây bằng lăng và không có yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Đối với 54 cây bằng lăng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B thu hồi về định giá và đã trả lại cho ông Đặng Văn X, ông Huỳnh Phú H1, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc L nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trịnh Ngọc L khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Bị hại ông Đặng Văn X trình bày: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 54 cây bằng lăng và không có yêu cầu bị cáo L bồi thường gì thêm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong vụ án, bị hại ông Huỳnh Phú H1 và những người làm chứng ông Phạm Văn L2, ông Trần Văn N, ông Nguyễn Thanh G, anh Lê Thành Q, anh Võ Văn B đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại ông Huỳnh Phú H1 và những người làm chứng ông Phạm Văn L2, ông Trần

Văn N, ông Nguyễn Thanh G, anh Lê Thành Q, anh Võ Văn B đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt bị hại ông Huỳnh Phú H1 và những người làm chứng ông Phạm Văn L2, ông Trần Văn N, ông Nguyễn Thanh G, anh Lê Thành Q và anh Võ Văn B không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo Trịnh Ngọc L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Vào đầu tháng 4 năm 2023, vườn cây bằng lăng của ông Đặng Văn X và ông Huỳnh Phú H1 ở tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã trồng được 04 năm tuổi, các cây bằng lăng đã đủ kích thước bán lại cho các môi lái nên ông X rao bán vườn cây bằng lăng trên. Bị cáo Trịnh Ngọc L biết được ông X, ông H1 kêu bán vườn cây bằng lăng nên ngày 24/4/2023, bị cáo L liên hệ với ông X để mua cây bằng lăng thì ông X kêu ông Nguyễn Văn V dẫn bị cáo L xuống vườn xem cây. Sau khi xem cây xong, bị cáo L đi về và điện thoại cho ông X (là chủ vườn) để thỏa thuận mua 300 cây, với giá là 500.000 đồng/01 cây, nhưng ông X không đồng ý bán mà chỉ đồng ý bán từ 500 cây trở lên, với giá 500.000 đồng/01 cây, nên hai bên chưa thống nhất việc giao dịch mua bán với nhau.

Đến sáng ngày 27/4/2023, bị cáo L lợi dụng lúc vườn cây bằng lăng của ông X và ông H1 không có người trông giữ nên đã thuê nhiều nhân công rồi lén lút cùng nhân công trực tiếp vào vườn tự ý đánh dấu cây, cắt tỉa các nhánh cây bằng lăng rồi bứng đem các cây bằng lăng ra ngoài vườn, trong ngày 27/4/2023 bứng được 36 cây bằng lăng. Đến sáng ngày 28/4/2023, bị cáo L cùng các nhân công tiếp tục vào vườn bứng thêm 18 cây bằng lăng rồi vận chuyển 08 cây bằng lăng ra khỏi vườn thì có ông Phạm Văn L2 (nhà ở gần vườn cây bằng lăng của ông H1) nhìn thấy nên điện thoại báo cho ông H1 biết là có người vào vườn bứng trộm cây, ông H1 liền điện thoại cho ông V đến ngăn cản bị cáo L bứng cây. Sau đó, ông H1 cùng với ông X đến Công an xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long trình báo sự việc.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện B thì 54 cây bằng lăng có trị giá là 10.800.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trịnh Ngọc L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long truy tố bị cáo Trịnh Ngọc L với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo Trịnh Ngọc L là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Bị cáo Trịnh Ngọc L là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, nhưng bị cáo lại lười lao động, chỉ thích hưởng thụ; khi bị cáo và bị hại chưa thỏa thuận thống nhất được việc mua bán vì lòng tham và lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của các bị hại, nên bị cáo đã lén lút bứng trộm 54 cây bằng lăng trồng được 04 năm tuổi của các bị hại có tổng giá trị là 10.800.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của các bị hại là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Chính vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sau này và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (vì tài sản đã thu hồi lại được và đã trả cho các bị hại); bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và tại phiên tòa bị hại ông Đặng Văn X xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; do đó, bị cáo Trịnh Ngọc L có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện về kinh tế, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đặng Văn X và ông Huỳnh Phú H1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 54 cây bằng lăng và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 54 cây bằng lăng đã được Cơ quan điều tra thu hồi về định giá và đã trả lại cho ông Đặng Văn X, ông Huỳnh Phú H1, Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B có sao chép vào 01 đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung bị cáo Trịnh Ngọc L cần lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

[9] Đối với những người nhân công được bị cáo Trịnh Ngọc L thuê bứng cây bằng lăng, những người nhân công không biết được các cây này là của người khác, không biết bị cáo L kêu bứng trộm cây, nên không có căn cứ để xử lý cùng hành vi với bị cáo L.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trịnh Ngọc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2023.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trịnh Ngọc L.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại cho ông Đặng Văn X và ông Huỳnh Phú H1 54 cây bằng lăng.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hỏi cung bị cáo Trịnh Ngọc L để làm chứng cứ.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc L nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an H. Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Huỳnh Thanh Hùng**